

VĂN BIA THẾ KỶ XVIII Ở HẢI DƯƠNG (CŨ) - NGUỒN TƯ LIỆU VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ HẬU

TRẦN TRỌNG DƯƠNG*

Tóm tắt: Bài viết này nghiên cứu về một số văn bia phản ánh tín ngưỡng thờ Hậu. Mẫu khảo sát được lựa chọn là hệ thống văn bia thế kỷ XVIII trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Trong tổng số 439 bia Hậu, chúng tôi thực hiện nghiên cứu định tính theo loại hình tín ngưỡng, gồm các nhóm: Hậu Thần, Hậu Phật, Hậu tộc, Hậu Hiền. Bài viết phân tích sâu một số văn bia có nội dung sử liệu phong phú, và so sánh với mô hình cấu trúc của tín ngưỡng thờ Hậu, để từ đó phân suất nội hàm cấu trúc và các yếu tố văn hóa đặc thù của từng trường hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các loại hình Hậu cơ bản đã định hình và phát triển ở thế kỷ XVIII. Song khi càng mở rộng phạm vi thực hành tín ngưỡng thì cộng đồng ngày càng phải uyển chuyển để phù hợp với mô hình văn hóa, mô hình kinh tế của bên cung tiến và cộng đồng tín ngưỡng. Đặc biệt, bài viết này còn phát hiện thêm hiện tượng “gói Hậu tập thể” và hiện tượng “tòng tự / 從祀”, “phối hưởng” như là gói hỗ trợ thêm cho ngôi Hậu.

Từ khóa: Tín ngưỡng thờ Hậu, tôn chủ, ngôi Hậu, bia Hậu, cộng đồng tín ngưỡng, công đức

Abstract: This article examines a selection of Hau steles that reflect beliefs associated with Hau worshipping. The survey sample focuses on a system of 18th-century steles in Hai Duong province. In 440 Hau inscriptions, qualitative research was conducted according to the typology of Hau belief, including the groups: Hau Than, Hau Phat, Hau toc, and Hau Hien. The article deeply analyzes some inscriptions with rich historical content and compares them with the structural model of Hau worship beliefs, to identify the structural connotation and specific cultural elements of each case. The research results show that the basic Hau types were formed and developed in the 18th century. However, as the scope of religious practice expanded, the faith community had to be more and more flexible to suit the cultural and economic models of the donor and the faith community. In particular, this article also discovered the phenomenon of "collective Hau package", and the phenomenon of "being worshipped by the side of the main spirit", as additional support packages for the Hau recipients.

Keywords: Hau beliefs, main spirit, Hau recipients, Hau stele, faith community, donation

1. Văn bia Hậu Thần (Thành hoàng)

Hậu Thần là loại tín ngưỡng phổ biến trong làng xã, chỉ những người có công đức tín thí cho làng xã nên được làng thờ cúng phối thờ với Tôn chủ trong các không gian thiêng của cộng đồng. Số lượng bia

Hậu Thần trong thế kỷ XVII - XVIII là 1.569 văn bia¹. Hậu Thần là khái niệm trở nên nhiều đối tượng khác nhau, trong nhiều

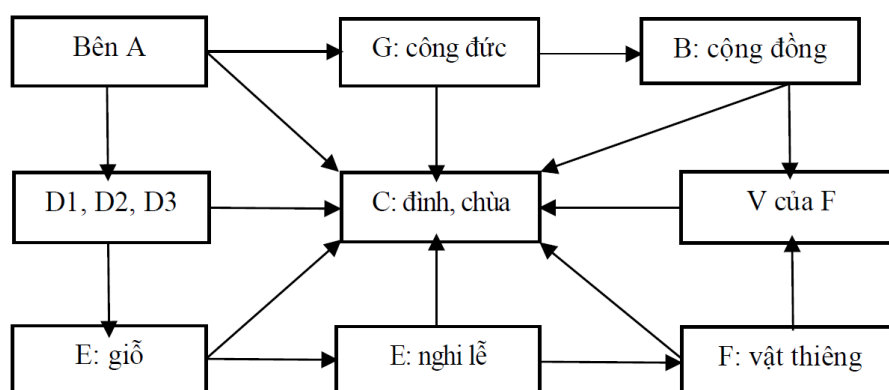
* PGS.TS., Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Email: duong.tran@hau.edu.vn

văn bia, “Hậu Thần” dùng theo các nội hàm như sau: (1) Các ngôi Hậu được phối thờ với Thành hoàng đặt trong đình làng; (2) Các ngôi Hậu được phối thờ với Thần linh được thờ trong đền, miếu dân gian; (3) Các ngôi Hậu được phối thờ với Tiên - Thánh - Mẫu trong phủ Mẫu; (4) Các ngôi Hậu phối thờ với Đức Chúa trong nhà thờ Thiên Chúa giáo. Nghĩa thứ nhất là nghĩa cơ bản, sau này Hậu Thần được mở rộng cho nhiều loại hình tín ngưỡng khác nhau, được coi như một danh từ chung gần như “Hậu”. Nhưng, khái niệm “Hậu Thần” ở nghĩa thứ nhất có sự phân biệt với “Hậu Phật” của Phật giáo, với “Hậu Hiền”, “Hậu tộc” của Nho giáo, và “Hậu cầu”, “Hậu xóm”, “Hậu điểm”, “Hậu sinh từ”, “Hậu Thái giám” trong tín ngưỡng dân gian. Nhưng ở nghĩa thứ hai, “Hậu Thần” có hướng trở thành danh từ chung chỉ cho phần đa các loại hình Hậu thuộc tín ngưỡng dân gian khác. Trong phần này của bài viết, chúng tôi chỉ khảo sát và phân tích một trường hợp Hậu Thần ở nghĩa thứ nhất, tức Hậu Thần được phối thờ với Thành hoàng trong đình làng.

Văn bia Hậu Thần của hai thôn Văn Thắng, Văn Phong thuộc hai xã Hà Lộ, Trạch Lộ là *Hà Lộ Trạch Lộ nhị xã/Văn Thắng/Văn Phong nhị thôn Hậu Thần/bi ký* (河路澤路二社/文勝/文豐二村後神/碑記, (N°13257/13258/13259/13260) dựng năm Chính Hòa thứ 21 (1700) tại thôn Văn Uyên xã Trạch Lộ huyện Tứ Kỳ phủ Hạ Hồng. Bia ghi việc bà Nguyễn Thị Tế, bà

Phạm Thị Ngọc Đàm được làng xã bầu làm Hậu Thần, và thân mẫu của bà Đàm là cụ Bùi Thị Ngọc Xuyên được phối hưởng. Nguyên ủy, làng cần tiền để lo liệu công việc giỗ chạp, nên quan viên, hương lão 90 người và già trẻ của hai xã Hà Lộ và Trạch Lộ đã đến nhà vận động hai bà. Hai bà hoan hỉ xuất tiền cung tiến cho xã. Bà Nguyễn Thị Tế xuất gia tài 50 quan tiền đồng, 6 sào 5 miếng ruộng; còn bà Phạm Thị Đàm xuất ra gia tài 50 quan tiền đồng, 7 sào ruộng.

Như vậy bên cung tiến (bên A, donator), đã đem tiền cho cộng đồng tín ngưỡng của hai thôn Văn Phong, Văn Thắng thuộc hai xã Hà Lộ và Trạch Lộ. Bên A vì thế được bên B báo đáp bằng cách bầu hai bà làm Hậu Thần tại đình làng. Với cách thức vận động quyên góp và bầu Hậu, thì có thể nhận định rằng hai thôn, hai làng cùng thờ chung một Thành Hoàng và một đình. Nghi lễ được thực hiện là lễ giỗ của hai vị Hậu và cùng hưởng tế tự đời đời. Vật thiêng (đại diện cho hai Hậu) là văn bia ghi khoán lệ. Văn khoán lệ cũng ghi rõ, nếu hai xã về sau nhờ có bỏ quên lễ giỗ thì con cháu hai nhà có quyền tố cáo lên quan trên, và phải chịu phạt, đồng thời phải thờ cúng ngày giỗ như đơn bầu trước đây. Phía cuối bia, sau phần lạc khoản văn bầu, do đại diện bên C (cụ Xã trưởng Nguyễn Đôn, Trưởng thôn Phạm Kim Ngọc) kí, và đại diện bên A là ông Bùi Quang Trạch kí. Đây là một văn bia khá điển hình cho mô hình thờ Hậu.



Mô hình cấu trúc của tín ngưỡng thờ Hậu (Trần Trọng Dương, 2022, tr.22)

Đây là mô hình mang tính khái quát làm cơ sở cho việc khảo sát và nghiên cứu sự đa dạng của các loại hình tín ngưỡng thờ Hậu (từ Hậu Phật, Hậu Thần, Hậu Thành Hoàng, đến Hậu tộc, Hậu giáp, Hậu cầu...). Hơn nữa, khi áp dụng mô hình này vào từng trường hợp cụ thể, ta sẽ biết được những đặc thù riêng của từng trường hợp, từ đó quay trở lại bổ sung cho lý thuyết. Với trường hợp văn bia Hậu Thần tỉnh Hải Dương thế kỷ XVIII, tôi thấy có một hiện tượng thú vị như sau.

Bia *Hậu Thần bi kí*/后神碑記 (N°9164/9165/9166/9167) khắc năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782) đặt tại đình thôn Đỗ xã Cao Xá tổng Lai Cách huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương. Bia ghi việc vợ chồng ông Đào Thị Thuật - Đỗ Thị Đốt được toàn thôn bầu làm Hậu Thần do đã cung tiến 60 quan tiền và 1 mẫu 2 sào ruộng để thôn tu sửa đình làng. Ông giỗ ngày 6/10, bà giỗ ngày 27/10. Hai lễ giỗ với các lễ phẩm tương ứng cho xứng với ngôi Hậu Thần. Trong khi đó, cùng thời điểm được ghi trong văn bia, bà Nguyễn Thị Bôn, và vợ chồng ông Đỗ Tiên Hội - Nguyễn Thị Bê cũng được thôn bầu làm Hậu Hiền, do bà Bôn xuất 10 quan và

1 thừa ruộng 4 sào 15 thước, vợ chồng ông Hội xuất 1 mẫu ruộng 15 thước để gửi giỗ. Vì gói cung tiến ít hơn so với các vị Hậu Thần, nên ba ông bà được bầu làm Hậu Hiền. Bà Bôn được giỗ riêng “lễ gồm: 3 cân xôi gà, 2 chai rượu, trầu cau, 1000 tiền vàng. Trước tiên cung kính 1 cân xôi gà, rượu, trầu cau để lễ thần.” Vợ chồng ông Hội giỗ chung, “lễ gồm: 3 cân xôi gà, 2 chai rượu, trầu cau, 1000 tiền vàng. Trước tiên cung kính 1 cân xôi gà, rượu, trầu cau để lễ thần”. Bia ghi một hiện tượng thú vị là đình cùng lúc có cả Hậu Thần và Hậu Hiền, trong đó Hậu Hiền không phải là phối thờ với Khổng Tử trong Văn từ, mà chỉ là những người phối thờ sau Hậu Thần. Nghĩa là ngôi Hậu Hiền thực chất chỉ là một kiểu tòng tự đặt trong đình làng bên cạnh Hậu Thần, nhưng được duy danh “Hậu Hiền” để phân biệt “gói cung tiến” của nhóm này thấp hơn “gói cung tiến” của Hậu Thần.

Một trường hợp thú vị khác là “gói Hậu Thần tập thể”. Thông thường ta chỉ biết đến các nhóm Hậu trong cùng một gia đình, với A là người cung tiến đồng thời là ngôi Hậu D1, với các ngôi Hậu khác (D2,

D3), gói lớn thường có số lượng từ 2 vị đến 7 vị Hậu (khoảng 4 đời của một nhà). Nhưng tư liệu văn bia *Hậu Thần/ Bi kí* 后神/碑記 (N^o12333-36) khắc năm Vĩnh Khánh 3 (1731) tại đình xã Kim Khê tổng An Phú phủ Nam Sách tỉnh Hải Dương, lại ghi về một gói Hậu Thần tập thể với 25 ngôi Hậu. Bia chỉ ghi các vị này do xuất tiền riêng trợ giúp binh lính trong làng, mua đồ tế lễ để thờ thần, lại mua 2 thửa ruộng giá 25 quan tiền, để cho bản thôn, nên được thôn bầu làm Hậu Thần (茲後神諸位等出私財以助鄉兵, 買器具以事神祇, 再買田貳所, 使錢貳拾五貫, 以許本村。因此本村上下等感此功德, 立為后神)². Tính ra, mỗi ngôi Hậu chỉ cung tiền 1 quan tiền. Lễ hội đáp cho các ngôi Hậu tập thể này là “Hàng năm lễ Nhập tịch, Cầu phúc phụng thờ thần, ban bên phải đều viết vào văn tế, các vị Hậu Thần được đặt ở phía sau. Đến ngày mùng 10 tháng Chạp cuối đông, hai giáp Đông và giáp Đoài mỗi người góp 10 mạch tiền, mua hai con lợn cùng xôi, rượu dùng đủ, cung kính làm lễ. Đồ tế gồm bánh dày làm từ gạo canh tác trên ruộng tế đám, đủ dùng, theo xuất mỗi người một chiếc làm lễ. Mọi người đến lễ áo mũ chỉnh tề, nghiêm túc cung kính, kính biếu thủ con vật tế cùng cùng 2 mâm thịt, 2 mâm xôi, lễ nghi theo đúng phong tục”. / 係遞年入席祈福奉事。右班凡諸祭文, 後神諸位得暨于后。至冬季臘月初拾日, 東兌貳甲, 每人使錢壹陌, 買猪貳隻并款酒足用, 敬行臘礼。其祭盞耕田圓餅足, 依人率每人壹件行礼。等員各齊整衣帽, 嚴肅恭敬, 敬俵首牲並肉盤貳具, 款盤貳具, 以回礼義之俗云”。 Như vậy, các gói Hậu tập thể này thực chất chỉ có lễ hội đáp “tòng tự/ phối hưởng” để các Hậu

được có tên trong văn tế, và ăn theo lộc Thánh, chứ không có lễ giỗ. Nội dung văn bia chỉ ghi chép họ tên chức sắc 25 vị, và không hề có thông tin ngày giỗ (kể cả ngày giỗ phổ đồng, hay ngày giỗ riêng cho từng vị) là vậy, điểm duy nhất mà nhóm A được hưởng gói hội đáp là được danh vị Hậu Thần và được phụ thực với Thành hoàng làng. (Xin so sánh kỹ hơn với hiện tượng phối thờ ở cuối bài viết).

2. Văn bia Hậu Phật

Hậu Phật là hiện tượng tín ngưỡng có tính phổ biến và có lịch sử lâu dài. Thời Lý, ta đã biết đến trường hợp phối thờ Hoàng Khánh Văn trong tháp mộ ở sân chùa Minh Tịnh năm 1090. Điển hình nhất cho việc phối thờ tín đồ vào không gian thiêng Phật giáo là bà Phụng Thánh Phu Nhân Lê Thị Lan Xuân (1108-1171). Năm 1171 bà được vua Lý Anh Tông sắc chỉ cho an táng ở chùa Diên Linh Phúc Thánh (Hương Nộn, Tam Nông, Phú Thọ) với quy định lễ giỗ hàng năm vào 18/10 với ruộng Tam bảo và ao Tam bảo³. Đây là trường hợp đáp ứng đầy đủ các nội hàm cấu trúc của tín ngưỡng thờ Hậu, nhưng chưa được danh vị hóa bằng khái niệm “Hậu”. Thế kỷ XV, văn hóa Hậu đã được quy định trong luật *Hồng Đức thiện chính* 洪德善政 (A.330). Thế kỷ XVI, xuất hiện một số văn bia Hậu Thần, Hậu Phật. Đến thế kỷ XVII, vùng đồng bằng Bắc Bộ có 272 bia Hậu (kho EFEO)⁴. Riêng ở Hải Dương, số lượng Hậu Phật có 117/369 văn bia, chiếm 31,7% trong số các bia ghi chép về phụ nữ cung tiến⁵.

Hậu Phật là ngôi Hậu được phối thờ trong không gian thiêng của tự viện Phật giáo. Đây vốn là một loại hình tín ngưỡng

dân gian phái sinh từ việc phụng thờ Phật. Người được bầu làm Hậu Phật thường là các tín đồ, phần lớn là các già vãi, những phụ nữ có hăng tâm hăng sản cung tiến cho các công việc Phật sự của chùa, đôi khi ngôi Hậu còn là người thân của bên cung tiến. Mô hình cơ bản của tín ngưỡng Hậu Phật gồm các yếu tố: bên A: người cung tiến (donator là các tín chủ); bên B là cộng đồng Phật giáo; G: là khoản công đức hay cung tiến; C là không gian thiêng (chùa) với tôn chủ là chư Phật trên ban Tam bảo, D: (các) ngôi Hậu Phật, E1: lễ giỗ kị, E2: các nghi lễ khác dành cho ngôi Hậu (tuần rằm mừng một, lễ Phật đản,...) cùng với các vật phẩm cúng tế, F: vật thiêng biểu trưng cho ngôi Hậu như: văn bia, bia tượng, tượng Hậu, bài vị Hậu,... và V là vị trí nơi đặt vật thiêng biểu trưng cho ngôi Hậu⁶.

Trường hợp thú vị trong văn bia Hải Dương là bia *Toàn thôn phụng sự Hậu Phật bi truyền* 全村/奉事/後佛/碑傳, tại thôn Ngọc Trì, xã Du La, huyện Thanh Hà, phủ Nam Sách 南策府清河縣遊邏社玉池村, dựng khắc năm Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711), (N^o11590/11591/11592/11593). Mặt chính của bia khắc bài vị của 6 ngôi Hậu Phật, trong 3 cột chữ, gồm: cột chính giữa khắc “Nam mô Bảo Quang tháp, thụy Viên Giác Thiên sư, sắc tứ Tăng hội ti Tăng chính chức Thích Thế Thế, ung tự Pháp Triêm ti khiêu Chân Như Tôn Giả tọa hạ /南無寶光塔, 謚圓覺禪師, 敕賜僧會司僧正職釋世世, 應字法霑比丘真如尊者座下”; bên tả khắc: “Nam mô Đại Ưu bà di Lê quý thị hiệu Diệu Minh Bồ tát, Lê thị hiệu Diệu Thành, Trịnh thị hiệu Diệu Lịch liệt vị tọa hạ /南無大優婆夷黎貴氏號妙明菩薩,

黎氏號妙誠, 鄭氏號妙歷列位座下”; bên hữu khắc: “Nam mô Nghiêm tử Ưu bà tắc Phạm quý công tự Vô Vi, từ ti Ưu bà di Lê quý thị hiệu Diệu Duyên liệt vị tọa hạ /南無嚴慈優婆塞范貴公字無為, 慈妣優婆夷黎貴氏號妙緣, 列位座下”. Cạnh hữu bia khắc một bài thơ và danh tính của hai người dựng bia là “Chính phủ Thị nội Cung tần Trịnh thị húy Dương tự Diệu Liên đạo hiệu Pháp Tính; Nguyễn thị húy Niêm hiệu Diệu Hòa kiến thạch bi/ 正府侍內宮嬪鄭氏諱楊字妙蓮道號法性; 阮氏諱粘號妙和建石碑”. Cạnh tả bia cũng khắc một bài thơ và danh tính của hai vợ chồng ông “Hữu kiên thuyền Đội phó Cai đội Đệ Lộc hầu Đặng Đình Huân và bà Đào Thị Thuật / 右堅船隊副該隊第祿侯鄧廷勳字真福, 妻陶氏述號妙壽”.

Mặt sau khắc bài văn bia giao kèo về việc lập Hậu với nhiều thông tin quan trọng. Nguyên nhân bầu Hậu là ông Tăng chính của Tăng hội ti là Thích Thế Thế tự Pháp Chiêm (tục danh Phạm Tất Duyệt) đã xuất gia sản của nhà mình (150 quan) để cho bản xã trùng tu tam quan, hành lang, tiền đường, thiêu hương, thượng điện của chùa Vinh Phúc thiên tự (榮福禪寺). Vì thế, bên B đã nhất trí tôn bầu sáu vị làm Hậu Phật, bao gồm: ông Thích Thế Thế, phụ thân ông là Phạm Quý công tự Vô Vi, từ ti (mẹ) là Lê Quý hiệu Diệu Duyên, và các đệ tử là Lê Thị Bảo hiệu Diệu Thành, Trịnh Thị Tiên hiệu Diệu Lịch, Lê Quý Thị hiệu Diệu Minh. Bia ghi rõ lệ cúng cho cả 6 vị nhằm ngày 20 tháng 10 hàng năm. Lễ vật cúng gồm 10 mâm xôi, mỗi mâm 10 đầu, hoa quả đặt trên. Văn bia ghi lời ước lập đon đặt ở gian ngoài (mé tây) của tòa Hậu đường

(nhà Tô). Cuối lời đoan ghi lời răn như sau : nếu ai bỏ ngày cúng dâng, di dời bia đá, thì sẽ bị tru diệt, con cháu bại tan. Cả thôn phải phụng thờ như lời ước. Lạc khoản ghi ngày tháng lập đoan là ngày 11 tháng 2 năm Vĩnh Thịnh thứ 7, và chữ kí của Xã trưởng thôn Ngọc Trì là ông Phạm Danh Tướng, Xã trưởng Hoàng Hữu Điền, Xã trưởng Phạm Đắc Vinh, và các vị già trẻ trong thôn cùng kí.

Văn bia này cung cấp các sử liệu về đời sống của Phật giáo nói chung và thực hành tín ngưỡng thờ Hậu nói riêng từ góc độ của lịch sử xã hội. Một số thông tin đặc thù của bia này như sau. Thứ nhất, bên A (người cung tiến) không phải là tín đồ mà là Thiền sư, thậm chí là chức sắc Phật giáo: Thích Thế Thế là Tăng chính của Tăng hội ti. Trường hợp sư tăng cung tiến cho việc Hậu Phật trước đây đã từng được một số học giả đề cập tới qua nguồn tư liệu văn bia, nhưng ít có phân tích cụ thể về nguyên nhân và tính chất của sự kiện này. Sư Thích Thế Thế có khả năng là người bản thôn, ông họ Phạm, và danh sách quan viên ghi trong bia có đến hàng chục người cùng họ. Bia chỉ ghi ông cung tiến bầu Hậu Phật cho bố mẹ và 3 đệ tử là ni cô. Đây là lần đầu tiên chúng ta thấy một vị Thiền sư cung tiến bầu Hậu Phật cho cả bản thân, bố mẹ và đệ tử. Giả thuyết thứ nhất, ông trụ trì tại bản tự, và có học trò toàn ni. Giả thuyết thứ hai, ông trụ trì ở chùa khác, nhưng có một số đệ tử (Ưu bà di) ở chùa Vinh Phúc bản thôn, trong số này còn phải kể thêm hai vị dựng bia đá là Chính phủ Thị nội Cung tần Trịnh Dương tự Diệu Liên đạo hiệu Pháp Tính; Nguyễn thị húy Niêm hiệu Diệu Hòa.

Điểm đáng chú ý tiếp theo là các ngôi Hậu Phật này hoàn toàn không có ngày giỗ. Trước đây, tôi cho rằng, lễ giỗ là nghi lễ trung tâm của tín ngưỡng thờ Hậu. Còn trường hợp đang xét là một ngoại lệ. Nghi lễ cúng ở đây là “lễ cúng phổ đồng” có tính tượng trưng. Khả năng thứ nhất: tất cả 6 vị Hậu đều còn đang sống, nên không có ngày giỗ, nhưng để “lập kèo khắc bia” về việc báo đáp, nên đồng nhất quy về một ngày tượng trưng cho cả sáu vị (dùng chung cho cả khi họ còn tại thế hay sau khi trăm tuổi). Vậy, tại sao một thiền sư lại nhất thiết lập ngôi Hậu khi tất cả còn sống, nhất là đối với đệ tử của mình? Lý do tôi tạm nghĩ đến là mối quan hệ giữa nhóm A và nhóm D. Ông Phạm quý công và bà Lê Diệu Duyên là song thân của ông Phạm Tất Duyệt, và dường như ông là con độc đinh trong nhà. Việc đặt Hậu cho bố mẹ là điều hoàn toàn có thể hiểu được. Hai đệ tử của sư Thích Thế Thế mang họ Lê - có khả năng là người đồng tộc (gần) của thân mẫu ông. Đệ tử thứ 3 bà Diệu Lịch thì cùng họ với bà Chính phủ Thị nội Cung tần Trịnh Dương. Như vậy, việc gửi giỗ lập Hậu cho tăng ni bản tự trong một ngôi chùa thuộc sở hữu của làng xã là một việc đáng chú ý, (khác với việc sư tăng hiển nhiên có suất thờ cúng trong chùa thuộc sở hữu của sơn môn). Như vậy, tính chất của mô hình cung tiến-báo đáp Hậu, còn được quy định bởi chủ sở hữu của cơ sở thờ tự.

Điểm đáng chú ý cuối cùng trong tư liệu văn bia này là cộng đồng tín ngưỡng đồng thời là chủ sở hữu của chùa. Phần đầu văn bia ghi danh sách quan viên hương lão của thôn Ngọc Trì, xã Du La, huyện Thanh

Hà, phủ Nam Sách. Danh sách quan viên được sắp làm 4 giáp (Đông, Đoài, Nam, Bắc), liệt kê danh tính trên dưới 140 vị cùng toàn thể già trẻ lớn bé trong toàn thôn cùng nhau hiệp đồng nhất trí bầu Hậu. Như vậy, bên B là cộng đồng làng xã/ cộng đồng tín ngưỡng/ cộng đồng Phật giáo. Tuy nhiên, bia liệt kê dăm bảy vị Xã trưởng, gồm Xã hương trưởng của thôn Ngọc Trì là ông Phạm Tài Nhiêu (có khả năng đồng tộc với sư Thích Thế Thế), Xã trưởng Nguyễn Viết Thứ ở giáp Đoài, Xã trưởng Phạm Quang Trạch ở Giáp Nam. Cuối bia lại có Xã trưởng thôn Ngọc Trì là Phạm Danh Tướng kí, Xã trưởng Hoàng Hữu Điền kí và Xã trưởng Phạm Đắc Vinh kí. Có khả năng cao đây là mô hình nhất xã nhất thôn, trong đó thôn chia làm 4 giáp. Số lượng quan viên trên dưới 140 vị, cộng thêm các suất đình, và phụ nữ trẻ em, thì thôn/ xã Ngọc Trì khi đó là xã lớn (khoảng 500 khẩu). Theo luật, một xã dưới 500 khẩu thì có thể sẽ có 1 Xã trưởng và 3 Xã phó. Chiếu vào văn bia, ta sẽ thấy bốn vị Xã trưởng của Ngọc Trì là Phạm Tài Nhiêu, Nguyễn Viết Thứ, Phạm Quang Trạch, và Phạm Danh Tướng. Hai vị sau (Hoàng Hữu Điền, và Phạm Đắc Vinh kí ở cuối) có khả năng là hai xã láng giềng sang làm bên thứ ba để chứng kiến. Đến đây có thể nhận định, chùa Vinh Phúc là chùa làng, do làng xã quản lý. Chùa đó không thuộc về tăng ni mà thuộc sở hữu của cộng đồng làng xã, do quan viên (chính quyền, hương lão) quản lí. Chính vì thế, việc tăng ni phối thờ với tư cách Hậu Phật ở trong ngôi chùa mà mình đang tu tập cũng cần phải được sự cho phép của cộng đồng tín ngưỡng.

3. Văn bia Hậu Hiền

Hậu Hiền là ngôi Hậu được phối thờ trong các cơ sở tín ngưỡng Nho giáo đặc thù: Văn miếu và Văn chỉ, Văn từ, Hương hiền từ. Tôn chủ được thờ trong Văn miếu, Văn từ là các vị Tiên sư, Tiên triết của Nho giáo, tiêu biểu là Văn Tuyên Vương Đại Thành Chí Thánh Khổng Tử. Theo thời gian, các học trò của ông cũng được phối thờ với thầy: Tứ phối, Thất thập nhị Hiền. Văn miếu được dựng ở Đại Việt đánh dấu quá trình diễn chế nghi lễ Nho gia ở cấp độ nhà nước, nhằm biểu dương đạo học và khuyến khích học hành. Đến thời Trần, triều đình nhiều lần thảo luận về danh sách những nhà Nho Việt tiêu biểu để đưa vào thần điện trong Văn miếu cấp nhà nước. Người được chọn sau cùng là Chu Văn An do được đánh giá là Thái Sơn Bắc Đẩu trong nền học thuật, chính trị của Đại Việt thời Trần. Xét ở khía cạnh này, Chu Văn An là hình mẫu phối thờ đầu tiên được định chế bởi nhà nước. Đến đời sau, dựa trên ý niệm tôn vinh những bậc Sư biểu của Nho học Việt Nam, các làng xã cũng mô phỏng sự tưởng niệm này đối với các Nho sĩ của từng địa phương mình, cùng với sự mở rộng của hệ thống Văn miếu cấp tỉnh, cấp phủ - huyện, cấp thôn xã. Việt Nam hiện còn 02 Văn miếu cấp quốc gia, 28 văn miếu cấp tỉnh, và 444 Văn từ - Văn chỉ các cấp dưới⁷. Văn bia sớm nhất ghi chép về các Tiên Hiền của Hội Tư Văn là *Bản huyện Tư Văn Tiên Hiền từ bi* 本縣斯文先賢祠碑 khắc năm 1576 (N°9382-3)⁸, đây cũng là văn bia có nhiều sử liệu cho biết cấu trúc của Văn hội huyện Tân Minh bao gồm 12 Văn hội cấp tổng trực thuộc, mỗi

tổng lại có Văn trường đứng đầu, dưới mỗi Văn hội cấp huyện sẽ nhiều văn hội cấp làng xã, với tổng số thành viên của một Văn hội cấp huyện có thể lên đến hơn nghìn người⁹. Số lượng Hậu Hiền và văn bia Hậu Hiền hiện chưa có thống kê chính xác, song đây là một chủ đề quan trọng khi nghiên cứu Nho giáo và tín ngưỡng Nho giáo từ góc độ lịch sử xã hội.

Cũng tương tự như các nhóm Hậu Phật, Hậu Thần, tín ngưỡng Hậu Hiền là một thực hành tín ngưỡng phái sinh từ chế độ thờ tự Nho giáo dành cho bậc “Vạn thế Sư biểu” - Khổng Tử. Với vai trò là Tiên sư, tín ngưỡng thờ Khổng Tử được xếp ở hàng Trung tự (dưới Đại tự, gồm tế Giao, tế Xã Tắc, và Tông miếu hoàng gia), và trên bách thần. Việc phối thờ các vị Tiên Hiền của làng xã vào các Văn miếu/ Văn từ địa phương thể hiện sự tri ân của làng xã với những Nho sĩ đã có công đối với việc mở mang đạo học và khoa bảng của làng. Nó đồng thời cũng thể hiện sự hưởng ứng của làng xã đối với thiết chế và luật pháp của nhà nước trong việc mở mang giáo hóa, truyền dạy kinh điển Nho gia. Văn bia *Kiến lập từ vũ/ Hậu Hiền bi kí* 建立祠宇/後賢碑記 (N°12264/12265/12266/12267), dựng vào niên hiệu Cảnh Hưng nguyên niên (1740) ghi: “xây dựng Từ chỉ, là để truy ân sùng phụng các bậc Tiên triết, ấy chính là lẽ trời ở tại lòng người vậy.... Nay các thành viên trong Văn hội của bản xã cùng nhau chọn được một ngày đẹp đáp đài thờ tự, làm nơi cúng tế. Đại khái thấy lễ nhạc rõ ràng, y quan diu dập, nền đạo hơn ức vạn năm và tôn bầu các viên làm Hậu Hiền, với lại ruộng của các vị lưu để tông tự phối

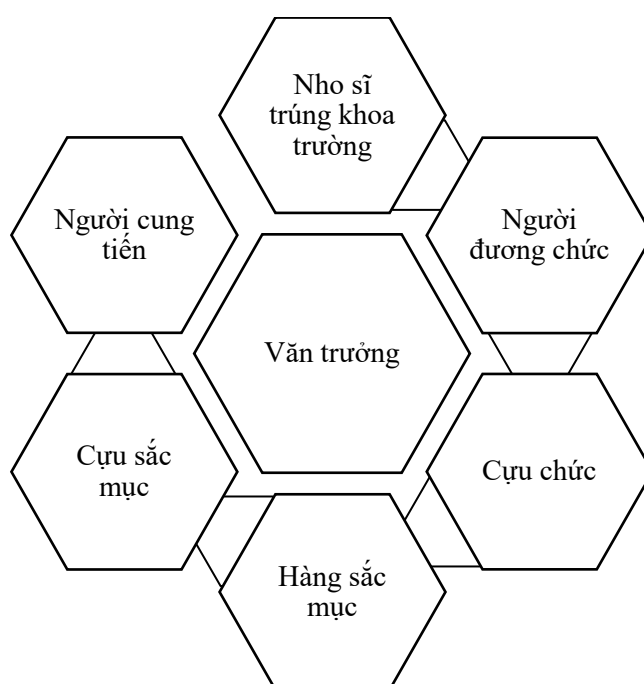
hưởng hai kì xuân thu, và các điều lệ nhân khắc ghi vào bia đá, để truyền lại dài lâu/ 蓋聞，建立祠址，追崇先哲，此天理之在乎人心也。。。概見禮樂彰彰，衣冠濟濟，其億萬餘年之道址及置堡後賢諸員，以其田留為春秋從祀配享，并各條例因誌于石碑，以壽其傳云”.

Tiêu chí để bầu Hậu Hiền được ghi thành các điều lệ như sau. (1) Người làng có khoa trường thì được khắc tên vào văn bia để tông tự phối hưởng. (2) Chọn những bậc Tiên Hiền đã khuất để nêu gương cho các Nho sĩ hậu bối. (3) Những người đã trúng khoa trường, sau khi mất, nếu có lễ yết Văn từ (trị giá 3 mạch cỗ tiền) thì sẽ được viết cước sắc họ tên vào văn tế để tông tự trong các tiết xuân thu. (4) Nho sĩ được bầu làm Văn trường đứng đầu hội Tư Văn, theo lệ cũ thì cung tiến 6 quan cỗ tiền và 4 sào ruộng, sau khi mất được làm Hậu Hiền, tên khắc vào bia. Khái niệm “trúng khoa trường” tuy không được định nghĩa rõ, nhưng theo danh sách liệt kê ta thấy bắt đầu từ Sinh đồ (những người đã đỗ cả ba kỳ của khoa thi Hương) cho đến Tiên sĩ (đỗ đại khoa trong kì thi Đình).

Như vậy, đối tượng được xét để đặt bầu Hậu Hiền của làng phải là Nho sĩ của làng, có khoa trường, và đã mất (cùng với khoản cung tiến đặt lễ có tính tượng trưng). Văn bia liệt kê danh tính 10 vị Hậu Hiền cho đến thời điểm lập bia năm 1740 gồm: 01 Tiên sĩ và 09 Sinh đồ, gồm: Tiên sĩ triều Mạc Nguyễn Quang Tá Bá Thọ hậu tiên sinh; Sinh đồ Đào Hồng Bảo; Sinh đồ Phạm Hanh Dương; Sinh đồ Trần Xuân Nghinh; Sinh đồ Trần Thế Dận; Sinh đồ Trần Gia Thụy; Sinh đồ Phạm Đình Cẩn;

Sinh đồ Phạm Ngọc Đình; Sinh đồ Phạm Đức Hậu; Sinh đồ Trần Thiện Đa. Đoạn sau, bia cũng kê khai những người từng giữ chức Văn trưởng, gồm có 09 vị: Phạm Phúc Nghi, Phạm Công Lí, Phạm Bá Khôi, Trần Chân Quang, Trần Thế Khanh, Trần Thời Nhạ, Trần Thế Khởi, Phạm Đức Thành, Trần Bá Phần. Các vị này khi còn sống sẽ được điền họ tên và cước sắc vào

văn tế, sau khi chết sẽ được làm Hậu Hiền (không phải nộp thêm khoản cung tiến, và không cần qua quy trình bầu Hậu). Danh sách cứng là các thành viên thuộc tầng lớp Nho sĩ và khoa bảng của làng, gồm các vị như Sinh đồ Phạm Hanh Dương, Trần Xuân Nghinh, Trần Thế Dận, Trần Gia Thụy, Phạm Đình Cẩn (những người lập văn bia).



Cộng đồng tín ngưỡng ở đây hẳn nhiên là cộng đồng Nho sĩ làng xã (xã Nhị Châu, huyện Thanh Lâm, phủ Nam Sách) được tập hợp trong hội Tư văn. Nhưng nhìn vào cấu trúc thành phần của hội, ta thấy rõ, có những điểm được thiết định thành lệ trong bia, và có những điểm “du di uyển chuyển”. Các nhóm thành phần gồm: (1) Các Nho sĩ, Nho sinh của làng, nhóm này có lẽ là đông nhất, và có tính mở rộng theo các suất đình đi học của từng làng, nhưng không xuất hiện trong văn bia; (2) Những Nho sĩ trúng khoa trường; (3) Những vị đang giữ quan

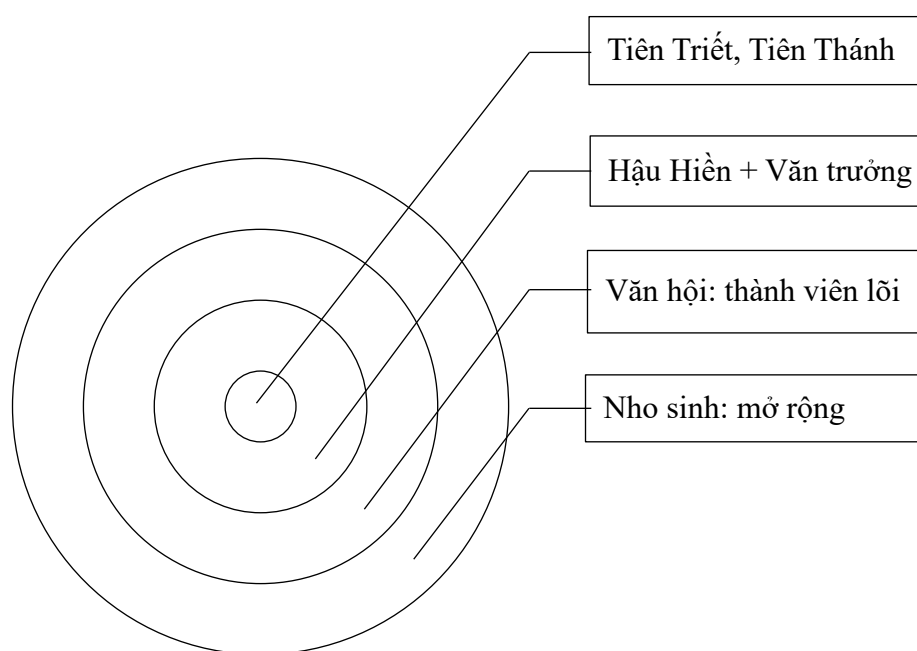
ở cả cấp trường và cấp phó và những người đang giữ sắc mục, có tước vị như Thập lí hầu, Thủ hợ, Thị nội giám Tiểu mã quan, Cai hợ, Tri sự; (5) những vị từng giữ quan chức và sắc mục, như Tiên Thập lí hầu, Tiên Khán thủ, Tiên Cai hợ, Cựu Lê triều Cai hợ, sẽ được dự vào Văn hội. (6) Những người có cung hiến tài sản cho Văn hội. Trong điều lệ hoàn toàn không có khoản này, nhưng danh sách những người được đưa vào văn tế thì lại có một số thành phần không có chức tước, không có quan trường, như các ông Trần Công Luận,

Phạm Phúc Tâm (6 quan, 2 thừa ruộng 2 sào), Phạm Pháp Miên (6 quan, 1 ao), Đào Công Thuận (3 sào vườn). Và đặc biệt có một vị là Đạo sĩ Trần Thế Nho (cúng 6 quan 2 sào ruộng). Như vậy, vấn đề kinh tế, và chức sắc được coi như là hai tiêu chí quan trọng để xét việc trở thành thành viên của Văn hội.

Chức sắc	Tài sản khao vọng	Lệ trong bia	Quyền lợi
Quan chức (chính chức)	6 mạch cổ tiền, 1 con gà trống, 1 chính rượu, 1 mâm xôi, 1 phong trầu cau, 5 bát quan gạo	Được ghi thành điều lệ	Tham gia Văn hội
Quan chức (phó chức)	3 quan cổ tiền, 1 con lợn trị giá 1 quan 5 mạch	Được ghi thành điều lệ	Tham gia Văn hội
Cựu chức (trưởng và phó)	3 mạch, <12265> 1 mâm xôi, 10 bát quan gạo và trầu cau yết lễ từ vũ	Được ghi thành điều lệ	Tham gia Văn hội
Sắc mục	cỗ khao giá 10 quan cổ tiền	Được ghi thành điều lệ	Tham gia Văn hội

Ngoài ra, ta còn thấy một danh sách dài những người được viết họ tên cước sắc vào văn tế tại Văn từ. Những người này tuy không được nằm trong các điều lệ tham gia Văn hội, nhưng đương nhiên là người quan trọng của Văn hội. Cho nên, tôi cho rằng “gói” này có thể gọi là “gói tòng tự”. Nghĩa là những người nằm trong danh sách này, tối thiểu phải có đóng góp lớn về mặt vật chất cho Văn hội, cho dù họ có khoa bảng, quan chức, hay không hề có hai tiêu chí cơ bản nêu trên. Gói kinh phí này lấy theo

chuẩn kinh phí của người được bầu làm Văn trưởng (6 quan tiền cổ, 4 sào ruộng), tạm gọi là giá trần, nhưng có du di châm chước tùy theo tình hình thực tế của người cung tiến. Theo như điều lệ trong bia, Văn trưởng sau khi mất sẽ đương nhiên là Hậu Hiền. Còn những người tham gia đóng góp ở đây, dù đã hay đang làm Văn trưởng hay không từng làm Văn trưởng, nhưng nếu có đóng góp tương đương thì sẽ được hưởng tòng tự phối hưởng khi cúng tế. (Xem phần năm của bài viết).



Như vậy, cấu trúc của thần điện thờ Tiên Nho trong một không gian thiêng Nho giáo (Văn từ) bao gồm: 1. Tôn chủ là Không Tử và các tiên triết; 2. Các ngôi Hậu Hiền (các nhà khoa bảng đã mất của làng, hay còn gọi là Tiên Hiền); 3. Các ngôi Hậu tương lai, gồm: những nhà khoa bảng còn sống, và những vị Văn trường hoặc cựu Văn trường còn tại thế; 4. Những vị được tông tự phối hưởng: những thành viên ở nhóm 3 và những người có chức sắc, hoặc những người có chữ (với điều kiện họ phải có khoản cung tiến tương đương với khoản kinh phí bầu Văn trường).

4. Hậu tộc

Hậu tộc (Hậu Họ) là việc gửi giỗ thân nhân hoặc gia tiên của mình phối thờ với tổ tiên của dòng họ mình (họ nội của ngôi Hậu). Văn hóa bầu Hậu tộc là một phái sinh từ tín ngưỡng thờ Hậu Thần - Hậu Phật trong dân gian. Các ngôi Hậu tộc không nhất thiết phải có công lao như những ngôi khác, mà chỉ cần có một khoản

cung tiến để người trong họ thờ cúng giúp. Họ được phụ tế với tổ tiên vào các dịp chạp tổ, và các tiết xuân thu, sau 05 đời, (dưới quan niệm *ngũ đại mai thân chủ*), các vị Hậu sẽ được đưa bài vị vào chung với các vị Hậu khác trong ban thờ Hậu hoặc phụ tế với tổ tiên¹⁰. Bia Hậu tộc hiện nay còn 173 bia¹¹. Thời điểm xuất hiện Hậu tộc sớm nhất ở Hải Dương hiện nay là cuối thế kỷ XVII, trong bia *Huệ nghĩa bi/ bản tộc kí / Nam giáp kí* (N^o12217/12219/12218) dựng vào năm Chính Hòa thứ 7 (1686)¹².

Bia *Hậu tộc bi kí* 后族碑記 có niên đại Cảnh Hưng thứ 27 (1766) (N^o8873/8874) ghi lại một biên bản bầu Hậu tộc được lập vào ngày 26/1 năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766), cuối văn bản có phần điền chỉ và kí của bà Trần Thị Bôn (bên A), ông Trần Thị Trục (bên B) - cháu ruột của bà Trần Thị Suu (cháu ruột chồng bà Bôn) - đại diện cho họ Trần bên nhận thờ Hậu. Ngoài ra, bên chứng kiến (kí hiệu là bên K) gồm sắc mục Vũ Thế Trọng (kí), Hương lão

Nguyễn Hữu Trạch người bản xã điếm chỉ, Hương lão Trần Hữu Lực người bản xã điếm chỉ, Hương lão Trần Luân, người bản xã kí, Khán thủ Trần Xán kí. Đây là trường hợp bầu Hậu khá thú vị khi ta thấy có một bên tham dự chưa có mô hình lý thuyết mà chúng tôi đưa ra trước đây: bên chứng kiến¹³. Điểm độc đáo thứ hai của văn bia này là nội dung vừa bầu Hậu vừa là chúc thư thừa kế. Bên thừa kế (kí hiệu là bên T) gồm bà Trần Thị Suu, ông Trần Thi Trực (vừa là bên B vừa là người được một phần thừa kế riêng), và ông Trần Quyền - con nuôi của ông bà Bôn. Nội dung chúc thư ghi rõ: “Các phần ruộng đất chia cho cháu chồng là Trần Thị Suu, cháu của bà là Trần Thời Trực, và con nuôi là Trần Quyền, đều không nằm trong số này [tức số ruộng đất cung tiến cho gia tộc]/其夫姪陳氏搜, 親姪陳時直, 及義養子陳權等各分田土, 不在此數”.

Về bên A (bên cung tiến gửi giỗ): Bà Trần Thị Bôn nguyên quán ở Hà Liễu, Yên Quảng. Bà lấy chồng người xã Điền Trì). Ông họ Trần (không rõ tên) nhưng có làm đến chức Trưởng quan, sinh ra Sinh đồ Trần Hoán. Trần Hoán mất sớm, chưa kịp có con, họ Trần bị tuyệt tự, không có người nối dõi tông đường. Bà lo sau này nhà không có người lo kị lạp, thờ phụng bô bê, nên mới lấy của cải ruộng đất “tổ nghiệp” chia cho bản tộc (họ nhà chồng bà) để làm tự điền. Ngoài ra, bà cũng đã tư lo liệu việc giỗ chạp của bố mẹ đẻ ở Hà Liễu, An Quảng (khả năng cũng gửi giỗ?).

Bên B (bên nhận ruộng đất cung tiến) là họ Trần (bên họ chồng bà Bôn) ở xã Điền Trì, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách

(nay là thôn Trực Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương). Khoản C khoản cung tiến gồm: Tổng cộng số ruộng cung tiến là 6,2 mẫu ruộng, và một thửa đất 4,5 sào đất, 1 ao ở Cửa Điếm, 1 thửa đất cũ 11 thước, và 1 sào ở Ngõ Giữa để dựng từ đường 3 gian.

Bên D (ngôi Hậu) gồm có 7 người, ông bà nội của chồng, bố mẹ chồng, hai vợ chồng bà Bôn, và con trai Trần Hoán (以供親夫、祖考妣、父母、夫婦、親子). Nghi lễ thờ cúng gồm có ngày giỗ (忌日, E1) và các ngày tết (節旦 và E2), tuy nhiên 7 ngày giỗ cụ thể lại không được kê vào bia, mà có thể đã viết vào gia phả. Đồ cúng được ghi cụ thể như sau: “Vào những ngày giỗ đó, mỗi ngày sửa 1 mâm cơm, 10 chiếc bánh dày, 1000 vàng mã. Còn ba ngày tết Nguyên đán, cúng ông bà nội, mỗi vị 1 mâm; bố mẹ 1 mâm; vợ chồng 1 mâm, con trai 1 mâm, mỗi mâm 1000 vàng mã”/ 其節旦三日, 祖考妣每位一盤, 父母一盤, 夫婦一盤, 親子一盤, 每盤金銀一千”. Vật thiêng (biểu tượng cho 7 ngôi Hậu) hiện chỉ biết còn lại tám bia ghi chép việc Hậu này.

Nhưng trên thực tế, bà Bôn đã mua 10 thước đất làm đất hương hỏa, cho xây một ngôi từ đường ba gian để phụng thờ gia tiên. Đây là một điểm thú vị của bia này. Thông thường, Hậu là ai đó phôi thờ vào một tôn chủ trong không gian thiêng, và Hậu tộc gửi giỗ người thân của mình vào từ đường nhà khác, là phôi hưởng cha mẹ mình với tổ tiên nhà khác. Nhưng trong trường hợp này, một mặt, bà Bôn không có đem bài vị của nhà mình đến nhà thờ tông chi, hay nhà thờ đại tông để “đặt ké” một ban¹⁴, mà bà

cho xây riêng một gian từ đường cho nhà mình. Điều đó có nghĩa là tôn chủ vẫn là nhà mình, chứ không phải “phối thờ” (附祀) với người khác. Vậy thì gửi giỗ ở đây và danh vị “Hậu” ở đây là “gửi người trong họ trông coi giúp hương hỏa” cho nhà mình. Mai Thu Quỳnh qua khảo sát hệ thống bia Hậu tộc cho biết, không gian thực hiện nghi lễ thờ cúng ngôi Hậu tộc được thực hiện ở một số nơi: (1) nhà riêng của con trưởng của vị Hậu (bản tộc đến làm lễ), ví dụ bia *Bính Tuất niên bát nguyệt cát nhật lập khoán bi* 丙戌年捌月吉日立券碑 N°24463; (2) từ đường của dòng họ (*Dương tộc bi kí* 陽族碑記 N°21499, *Kiều thị từ đường bi kí* 喬氏祠堂碑記 N°32962); (3) nhà riêng của Hậu (N°24463)¹⁵. Nay với tư liệu văn bia này, ta bổ sung trường hợp thứ tư (4) từ đường tông chi. Trường hợp này xảy ra khi chi tộc bị tuyệt tự, như chi nhà bà Bôn, chỉ được bốn đời (có lẽ đều độc đinh), nên mới phải gửi giỗ từ con đến cụ nội.

5. Hiện tượng đặt lệ phối hưởng/tòng tự sau ngôi Hậu

Trường hợp đặt lệ phối hưởng 配享 (tòng tự 從祀, phụ tự 附祀) là một hiện tượng mới trong văn hóa thờ Hậu theo nhận thức của chúng tôi. Điểm mới thứ nhất, như ở phần viết về gói Hậu Thần tập thể, thực chất, gói này không có lễ giỗ cho ngôi Hậu, mà 25 vị Hậu Thần chỉ được ghi tên vào bia và văn tế trong các dịp tế thần Thành Hoàng. Tức là, mô hình “Hậu - tông tự” (không giỗ) là một cách để tập hợp nguồn lực kinh tế dễ hơn so với việc tìm mua được 1 ngôi Hậu “đại gia” cúng một lúc hàng chục hàng trăm quan. Mô hình “gói Hậu tập thể” này không yêu cầu hỏi

đáp quá nặng, mà chỉ cần có danh vị Hậu và việc phối hưởng. Sự tiện dụng của việc dễ vận động nguồn vốn theo mô hình tập thể sau này sẽ được áp dụng ở nhiều trường hợp, nhất là trong môi trường làng xã có nhiều dân thường. Ví dụ trường hợp từ đường họ Trần thôn Thượng, xã Trung Thụy huyện Đan Phượng, Hà Nội có bia *Từ đường bi kí* 祠堂碑記 quy định: “後來本族子孫苗裔某有私田干畝高附入碑記亦許從祀在祠堂忌臘從宜/ Con cháu trong họ sau này nếu ai có ruộng tư mấy mẫu mấy sào [cung tiến] phụ ghi vào bia thì cũng cho tông tự ở từ đường, giỗ chạp được cùng hưởng theo”. (N°2260-61, N°2306-07 và N°36617-20)¹⁶. Đây cũng có thể gọi là một mô hình “vận động nguồn vốn Hậu tộc” ở giai đoạn muộn hơn.

Trường hợp đặt lệ phối hưởng khá đặc thù là phối thờ ông Trần Đình Đậ, ông Vũ Khuê và ông Vũ Duy Cơ được ghi ké trong bia Hậu (Vô đề) thôn Cúc Trì, xã Lâm Xá, huyện Chí Linh, phủ Nam Sách 南策府至靈縣林舍社菊池村, khắc năm Cảnh Hưng thứ 35 (1774), (N°12440/12441/12442. Ông Trần Đình Đậ là Tiên bản phủ Hiệu sinh làm Trùm trưởng Câu đương bản tổng (theo Nho giáo). Ông Vũ Duy Cơ là Tiên Lão nhiều, kiêm Tư Võ trưởng hai thôn (tức làm Trưởng hội Tư Võ), ông nguyên là người trong quân đội. Ông Vũ Khuê không có chức sắc gì, nhưng bia ghi tên tự là Phúc Thắng hiệu Huyền Linh, có khả năng vừa Phật vừa Đạo. Mỗi ông đều xuất 3 quan tiền cổ cho thôn chi dùng việc công. Thôn báo đáp bằng cách hễ có thờ thần thì ghi [tên ba ông] vào văn tế phối hưởng. Đây có lẽ là một kiểu phối hưởng tối giản

với “gói cung tiến - báo đáp” tương ứng. Ba người được phối hưởng đều là đàn ông, đều chỉ cúng 3 quan tiền (số nhỏ hơn so với hai gói Hậu Thần khác). Sự đối lập giữa các gói thể hiện rõ ngay trong nội dung văn bia. Nội dung chính của bia ghi việc bà

Nguyễn Thị Lân và bà Mạc Thị Xuân được thôn Cúc Trì bầu làm Hậu Thần trong đình Cúc Trì (sau còn gọi là đình xã Ngọc Trì). Nguyên nhân bầu Hậu là hai bà mỗi người cúng 15 quan tiền cỗ và 5 sào ruộng để thôn chi dùng vào việc Thánh.

	Cung tiến	Phối hưởng	Thờ thần đầu Xuân (khi sống)	Khi mất	Bia
Nguyễn Thị Lân	15 quan, 5 sào	x	1 cỗ rước, 1 cỗ cỗ cả, 1 cỗ tiền	+ Lễ giỗ + Cỗ biếu : gồm xôi 9 mạch , lợn 1 quan 8 mạch , rượu 3 mạch + Lễ rước khi hát thờ thần.	+ Văn ca ngợi + Đồ cúng hiến + Lệ báo đáp Hậu Thần
Mạc Thị Xuân	15 quan, 5 sào	x	1 cỗ rước, 1 cỗ cỗ cả, 1 cỗ tiền	x	+ Văn ca ngợi + Đồ cúng hiến + Lệ báo đáp Hậu Thần
Vũ Duy Cơ	3 quan	Điền tên vào Văn tế	x	x	+ Lệ phối hưởng
Vũ Khuê	3 quan	Điền tên vào Văn tế	x		+ Lệ phối hưởng
Trần Đình Đậu	3 quan	Điền tên vào Văn tế	x	x	+ Lệ phối hưởng

Có một số điểm thú vị cần phân tích ở đây. Ông Vũ Khuê và ông Vũ Duy Cơ là tự xuất của cái của mình để tên mình được xuất hiện trong văn tế Thần. Ông Trần Đình Đậu thì được con trai là Phúc Chính cúng tiền để bố được phối hưởng. Và cả ba ông đều còn đang sống chứ chưa phải là đã khuất núi. Thứ hai, ba ông không được đặt ngôi Hậu Thần (không có danh vị Hậu), mà chỉ gọi là “phối hưởng”. Ba ông được phối hưởng trong đình bởi hai lý do, cúng mỗi người 3 quan và các vị đều là đàn ông có chức sắc, có địa vị, có học vị. Điều này chứng tỏ giá trị cung tiến là yếu tố tiên

quyết cho việc tôn bầu danh vị Hậu. Thứ hai, việc báo đáp chỉ thể hiện qua một việc duy nhất là ghi họ tên ba ông vào lòng sớ văn tế mỗi khi nhập tịch, kỳ phúc, cầu thần chúc thánh trong đình ; gói báo đáp này rất khác so với hai ngôi Hậu phụ nữ cùng ghi trên văn bia. Ví dụ, bà Hậu Thần Nguyễn Thị Lân và Mạc Thị Xuân, khi sống được bản thôn lễ thờ thần đầu xuân hằng năm, có biếu 1 cỗ rước, 1 cỗ cỗ cả, 1 cỗ tiền. Nếu như sau này bà trăm tuổi, bản thôn biếu lễ giỗ ngày húy, gồm xôi trị giá 9 mạch tiền cỗ, lợn trị giá 1 quan 8 mạch cỗ tiền, rượu trị giá 3 mạch cỗ tiền (一例係生時, 本村

遞年春首事神，有壹具俵：迎壹具、具奇壹具、送壹具。如百歲後，本村依諱日禮忌：款古錢陌，猪古錢壹貫捌陌，酒叁陌。有唱歌者，【官員】中男有迎【禮】。茲例。(N°12441). Nếu có tổ chức ca hát, thì quan viên, trung nam có lễ rước. Thứ tư, lời văn bia ghi rõ lời văn ca ngợi đạo đức, các khoản cung tiến của hai vị nữ Hậu Phật, cũng như các phần lễ và cỗ hoi đáp, thì bên 3 ông phối hưởng đều chỉ là các giao kèo đơn giản.

Điểm thú vị thứ năm trong văn bia này chính là mối quan hệ giữa ngôi Hậu và người được phối hưởng: bà Nguyễn Thị Lân là chính thất của ông Vũ Duy Cơ. Đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp được một trường hợp đặc biệt: vợ được bầu làm Hậu, còn chồng thì chỉ là phối hưởng. Vậy điều gì xảy ra? Thông thường, với quan niệm chung về việc bầu Hậu, người vợ thường xuất gia tư để làng xã bầu bố mẹ chồng, hoặc chồng con mình, hoặc bản thân mình làm Hậu. Hoặc giả trong trường hợp chồng còn sống thì thường là bầu cả hai vợ chồng làm Hậu. Hoặc nữa, nhiều trường hợp chỉ thấy việc bầu riêng một người phụ nữ vào ngôi Hậu, (còn người chồng thì bia nhiều khi không nhắc đến để biết là còn sống hay đã mất). Nhưng trường hợp này, trong cùng một thời điểm trên cùng một văn bia, trên cùng một bản giao kèo, thì vợ được

bầu làm Hậu Thần, còn chồng thì chỉ được làm phối hưởng. Nguyên nhân thứ nhất, đương nhiên là từ lý do kinh tế, người vợ cúng 15 quan và 5 sào ruộng, trong khi ông chồng chỉ cúng 3 quan. Vậy, của cải cung tiến của bà Nguyễn Thị Lân, tuy văn bia ghi là “gia tư”, nhưng khả năng cao là sở hữu của riêng bà, chứ không phải của ông chồng. Dân gian thường hay nói, “của chồng công vợ” là một cách nói để đẹp lòng người. Trong nghiên cứu trước đây, tôi đã chỉ ra rằng: khi người chồng đi lính, được đất khẩu phần (tối thiểu một lính 2 mẫu ruộng) thì vợ ở nhà canh tác trên đất đai đó để làm ra của cải thặng dư. Nhưng tiền của đó, theo luật, được gọi là “phu thê điền sản”, thuộc về sở hữu chung của cả hai vợ chồng, chứ không thuộc riêng về đàn ông¹⁷. Ngoài, ra phụ nữ còn được luật quy định là có quyền sở hữu tài sản riêng (tài sản tiền hôn nhân, do sức lao động riêng mà có). Vậy thì việc trong một nhà, người đàn bà và đàn ông đều có thu nhập riêng, và ngân quỹ riêng là điều có thể xảy ra. Trong bối cảnh như vậy, ta mới có thể lý giải cho trường hợp này: bà Nguyễn Thị Lân là người giỏi giang tháo vát, có nhiều tiền của và ruộng (tiền hôn nhân), trong khi ông chồng tuy có quỹ riêng, nhưng không bằng bà. Việc ai dùng tiền của người này để cung tiến cho thôn cho đình là một việc được xác định rạch ròi trong văn bia giao ước.

Khoản cung tiến để được hưởng ngôi tông tự trong tế tự ở Văn từ

Stt	Họ tên	Chức trong văn hội	Chức sắc	Cung tiến
1.	Theo lệ	Văn trưởng		6 quan 4 sào
2.	Phạm Phúc Tâm	x	x	6 quan 2 sào
3.	Phạm Phúc Nghi	Văn trưởng	Thập lí hầu	6 quan 2 sào
4.	Phạm Công Lí	Văn trưởng	Thủ hợp	6 quan 2 sào
5.	Trần Thế Truyền	x	Thập lí hầu	6 quan 2 sào ruộng

6.	Trần Công Luận	x	x	6 quan 2 sào
7.	Trần Duy Năng	x	Thị nội giám Tiểu mã quan	6 quan 2 sào
8.	Trần Thế Nho (Đạo sĩ)	x	x	6 quan 2 sào
9.	Phạm Bá Khôi	Văn trưởng	Thập lí hầu	6 quan 4 sào rộc
10.	Trần Thế Nãi	x	Thập lí hầu	10 quan 10 thước vườn
11.	Phạm Đức Hoành	x	Thập lí hầu	6 quan 4 sào
12.	Phạm Ngọc Diễm	x	Cai hợp	6 quan 4 sào
13.	Phạm Trọng Nghĩa	x	Tri sự	1 ao 4 sào
14.	Đào Công Thuận	x	x	3 sào vườn
15.	Phạm Pháp Miên	x	x	6 quan 1 ao
16.	Trần Chân Quang	Văn trưởng	Thập lí hầu, Huấn khoa	6 quan 4 sào
17.	Trần Thế Khanh	Văn trưởng	Thập lí hầu	6 quan 4 sào
18.	Trần Thời Nhạ	Văn trưởng	Cựu Cai hợp, Thập lí hầu	6 quan 4 sào
19.	Phạm Đức Thành	Văn trưởng	Tiền thập lí hầu	6 quan 1 sào
20.	Trần Thế Khởi	Văn trưởng	Tiền Cai hợp	6 quan 4 sào
21.	Trần Bá Phần	Văn trưởng	Tiền Khán thủ	6 quan 4 sào
TỔNG				118 quan 55 sào ruộng 02 ao 01 vườn 03 sào 01 vườn 10 thước

6. Kết luận

Bài viết đã tiến hành khảo sát, nghiên cứu một số loại hình tín ngưỡng thờ Hậu qua nguồn tư liệu văn bia Hải Dương thế kỷ XVIII. Bài viết đã sử dụng phương pháp phân tích sâu các nguồn sử liệu bi ký để đối chiếu với mô hình lý thuyết về cấu trúc của tín ngưỡng thờ Hậu. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngoài mô hình tổng quát, các tư liệu văn bia này bổ sung thêm một số yếu tố văn hóa mới trong cấu trúc văn hóa thờ Hậu. Thứ nhất, để cho danh vị Hậu có thể mở rộng mô hình gọi vốn, các cộng đồng tín ngưỡng và những người cung tiến đã thực hiện các thương thỏa hòa hài uyển

chuyển giữa gói cung tiến và gói báo đáp. Họ hướng đến mở các gói Hậu tập thể - hồi đáp phổ đồng - hoặc hồi đáp phụ thực/ hồi đáp tông tự nhằm để vận động nguồn vốn và bỏ bớt tất cả các lễ giỗ của các cá nhân. Trong trường hợp khác, nếu vừa vận động các “đại gia” cung tiến, vừa phổ khuyến được những tín chủ bình dân ít tiền, thì họ chia làm các “gói báo đáp” khác nhau. Có khi, họ chia làm hai nhóm danh vị “Hậu Phật” có lễ giỗ riêng và lễ giỗ phổ đồng (được gọi là Hậu Hiền); cũng có khi họ bầu Hậu cho nhóm cung tiến nhiều, và chỉ cho nhóm cung tiến ít tiền được ăn phụ thực theo thần thánh. Tính năng sản và tính

uyển chuyên của mô hình cung tiến- báo đáp này là một biểu hiện cho thấy sự phong phú của văn hóa thờ Hậu, và góp phần lý giải thêm sức sống và những nguyên nhân cho sự phát triển văn hóa thờ Hậu ở Việt Nam trong thế kỷ XVIII về sau./.*

T.T.D

Chú thích và tài liệu tham khảo

* Bài này thuộc nhiệm vụ cấp Bộ “Nghiên cứu văn bia Hậu tỉnh Hải Dương thế kỷ XVIII” do TS. Lê Thị Thu Hương chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Hán Nôm chủ trì.

1. Trần Thị Thu Hương (2020), *Văn bia Hậu Thần Việt Nam (thế kỷ XVII-XVIII)*, NXB. Văn học, Hà Nội.

2. Tư liệu thông kê và bản dịch văn bia trong nghiên cứu này kế thừa từ Dương Văn Hoàn, Phạm Minh Đức, trong đề tài cấp Bộ của TS. Lê Thị Thu Hương, nhân đây xin chân thành cảm ơn.

3. Trần Trọng Dương (2022), “Tín ngưỡng thờ Hậu: khái niệm, cấu trúc, loại hình”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (171), tr.28.

4. Lê Thị Thu Hương (2024), *Văn bia Hậu Phật vùng đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVII*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.61.

5. Trịnh Khắc Mạnh (2024), *Hoạt động cung tiến và bầu Hậu của phụ nữ Hải Dương qua bia Hậu thế kỷ XVII- XVIII*, NXB. Khoa học xã hội, tr.23

6. Trần Trọng Dương (2022), “Tín ngưỡng thờ Hậu: khái niệm, cấu trúc, loại hình”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (171), tr.22

7. Trịnh Khắc Mạnh, Dương Văn Hoàn (2020), *Văn miếu Việt Nam khảo cứu*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.11.

8. Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia Hán Nôm thời Mạc: tư liệu và khảo cứu*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.281.

9. Trần Trọng Dương chủ biên (2024), *Văn bia Việt Nam: di sản, văn hóa và lịch sử*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.280-282.

10. Mai Thu Quỳnh (2019), “Hoạt động gửi giỗ trong dòng họ: khảo sát qua tư liệu tộc ước”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (156), tr.56.

11. Mai Thu Quỳnh (2025), *Nghiên cứu văn bia Hậu tộc khu vực Bắc Bộ Việt Nam*, LATS, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.185.

12. Mai Thu Quỳnh (2023), “Huệ nghĩa bi/bản tộc kí/ Nam giáp kí: văn bia bầu Hậu tộc sớm nhất ở Hải Dương thế kỷ XVII”, *Nghiên cứu Hán Nôm năm 2023*, NXB. Thế giới, Hà Nội. tr.925-934.

13. Theo TS. Nguyễn Kim Mãng, bên chứng kiến này cũng xuất hiện trong nhiều văn bia khác. Ví dụ: *Ký Hậu tự bi chí* (Ninh Bình) N°29230.

14. Ví dụ: *Dương tộc bi kí* N°21499 ghi việc ngôi Hậu được thờ cúng bên trái từ đường họ Dương ở xã Xuân Đình huyện Từ Liêm. *Bia Kiều thị từ đường bi kí* (N°32962) ghi ngôi Hậu được thờ ở ban riêng trong gian thứ hai ở phía Tây của từ đường họ Kiều thôn Phụng Đoàn xã Lê Hồ huyện Kim Bảng tỉnh Hà Nam. [Mai Thu Quỳnh, “Hoạt động gửi giỗ trong dòng họ: khảo sát qua tư liệu tộc ước”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (156), tr.49

15. Mai Thu Quỳnh (2019), “Hoạt động gửi giỗ trong dòng họ: khảo sát qua tư liệu tộc ước”, *Tạp chí Hán Nôm* số 5 (156), tr.55.

16. Mai Thu Quỳnh (2019), “Hoạt động gửi giỗ trong dòng họ: khảo sát qua tư liệu tộc ước”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (156), tr.52.

17. Trần Trọng Dương (2023), “Xã hội Việt Nam và văn bia thế kỷ XVII”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (180), tr.1-15.